| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THUẬN NAM**<br>TỈNH NINH THUẬN<br>Số: 33/2024/QĐST-HNGĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**<br><br>*Thuận Nam, ngày 17 tháng 5 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 174/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc *"Ly hôn; nuôi con chung"*, giữa:

Nguyên đơn: anh Chamalé L - sinh năm 1987;

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Đỗ Thanh L1 - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ: Số 165 đường 21/8, phường PM, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: chị Tô Pôn Thị C - sinh năm 1991;

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, Ninh Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2024.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 *(Bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Chamalé L và chị Tô Pôn Thị C.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Chamalé L và chị Tô Pôn Thị C tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Chamalé L và chị Tô Pôn Thị C thống nhất thỏa thuận anh Chamalé L đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên là Tô Pôn Thị Quỳnh T1, sinh ngày 25/5/2012 với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng *(bằng C: Một triệu đồng)* và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên là Tô Pôn Thị Thu H, sinh ngày 16/9/2017 với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng *(bằng C: Một triệu đồng)*. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi con chung tên là Tô Pôn Thị Quỳnh T1, Tô Pôn Thị Thu H đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh Chamalé L và chị Tô Pôn Thị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Chamalé L là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn đóng tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án. Chị Tô Pôn Thị C là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Quốc Tâm**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**……[1]

Số:……/……/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*…., ngày…… tháng …… năm ……*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng....năm....., giữa[2]:

.....
.....
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…..tháng……năm …..

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…. tháng..... năm ..... là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.
Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa [3] .....
.....
**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[4] .....
.....
**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

***Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:***

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).